

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TH
TỈNH TH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **308/2019/HS-ST**

Ngày: 27/6/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TH, TỈNH TH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Văn Ninh

2. Bà Vũ Thị Liên Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố TH

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bình Nguyên - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 6 năm 2019 tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố TH, tỉnh TH xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 289/2019/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2019/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Anh T - tên gọi khác: Không; Sinh ngày 19/8/1993 tại TH; Nơi ĐKNKTT và chỗ ở: Số 107 phố H, thị trấn C, huyện Y, tỉnh BG; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Y sỹ; Trình độ học vấn: 12/12; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Con ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1960 và con bà Trần Thị T1, sinh năm 1964; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/3/2019 đến ngày 05/4/2019 được thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện bị cáo đang tại ngoại tại địa phương. *(Có mặt tại phiên tòa)*

*** Bị hại:** Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1995 – trú tại: Xóm C, xã S, thành phố TH *(Có mặt)*

*** Người làm chứng:**

1. Ông Lê Xuân L, sinh năm 1968 – trú tại: Tổ Z, phường Q, thành phố TH, tỉnh TH *(Vắng mặt)*

2. Bà Trần Thị Hương G, sinh năm 1973- trú tại: Xóm C, xã S, thành phố TH *(Có mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 8/2017 Nguyễn Anh T và chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1995 ở xóm C, xã S, thành phố TH có quan hệ tình cảm. Khoảng tháng 8/2018 T và chị N chia tay nhau vì T cho rằng giữa hai người không hợp nhau. Tuy nhiên thỉnh thoảng giữa T và chị N vẫn đi chơi và quan hệ tình dục với nhau.

Đến ngày 24/02/2019, chị N phát hiện mình có thai nên nhắn tin cho T và muốn T chịu trách nhiệm vì ngoài T ra chị N không quan hệ tình dục với ai khác. Ngày 01/3/2019, T đưa chị N đi khám thai tại phòng khám phụ sản 479 ở đường L, thành phố TH thì được biết chị N đã có thai 5 tuần 02 ngày, T nghi ngờ thai của chị N không phải của T, T khuyên chị N bỏ thai đi, nhưng chị N kiên quyết sẽ đẻ con và nuôi con một mình. Ngày 04/3/2019, T lại đưa chị N đến phòng khám 479 khám lại thì thấy chị N có thai 5 tuần 05 ngày. Khoảng 21 giờ cùng ngày, T đưa chị N đến phòng 302, nhà nghỉ Việt Vương tại tổ T, phường Q, thành phố TH do ông Lê Xuân L quản lý để nói chuyện. Khoảng 6 giờ ngày 05/3/2019, T và chị N ngủ dậy, cùng ngồi trên giường nói chuyện. T khuyên chị N bỏ cái thai đi, nhưng chị N kiên quyết không bỏ. Do lo ngại chị N sẽ nói chuyện với gia đình T, nên T nảy sinh ý định phá thai trong bụng chị N. Ngay lập tức, T dùng tay trái kéo chị N ngửa người về phía sau, tay phải T giơ cao đâm 02 đến 03 cái trúng vào giữa phần bụng dưới của chị N. Bất ngờ bị đâm, chị N giãy giụa thoát khỏi sự khống chế của T và ngồi xuống đất tại vị trí góc phòng, van xin T “đừng giết con em, em tự đẻ, tự nuôi, không cần đến sự có mặt của anh, không cần anh phải chịu trách nhiệm”. Lúc này T bình tĩnh nói “Thôi đứng dậy, anh đưa đi bỏ”, chị N sợ hãi “Thôi anh cứ về đi, em tự bắt TAXI về”. Thấy N vẫn không chịu phá thai, T chạy đến vị trí của chị N, dùng tay trái túm cổ áo phía sau gáy chị N lôi lên giường đồng thời dùng tay phải đâm mạnh 01 cái vào phần bụng dưới của chị N. Lúc này, ông Linh nghe thấy tiếng cãi nhau liền lên gõ cửa, T ra mở cửa, chị N sợ hãi kêu “Chú ơi cứu cháu với, nó đánh cháu” và bỏ chạy về nhà. Ông L hỏi T có chuyện gì xảy ra thì T trả lời không có gì. Sau đó T cũng đi về nhà.

Chị N về nhà thấy đau bụng, ra máu bất thường tại âm đạo nên đã nói chuyện với mẹ là bà Trần Thị Hương G, sinh năm 1973 – trú tại: Xóm S, xã S, thành phố TH về việc bị T đâm vào bụng. Khoảng 10 giờ ngày 05/3/2019 bà G đưa N đi khám kết luận chị N bị bong màng nuôi, tụ dịch dưới màng nuôi. Ngày 06/3/2019, chị N đến Công an phường Q, thành phố TH trình báo sự việc.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 126/TgT ngày 12/3/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh TH kết luận: Chị Nguyễn Thị N bị sảy thai trong thời kỳ ba tháng đầu ở người phụ nữ chưa có con. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 11% (Mười một phần trăm). Cơ chế hình thành thương tích: Do tác động của vật tày.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Anh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên. Lời khai của T phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại là chị Nguyễn Thị N khai do có quan hệ tình dục với T dẫn đến có thai. Ngày 05/3/2019, hai bên xảy ra tranh cãi nhau, Nguyễn Anh T dùng tay phải của mình đâm chị hai lần dẫn đến bị sảy thai và tỷ lệ tổn thương cơ thể là 11%. Ngày 29/3/2019 chị N có đơn đề nghị rút đơn và không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với T.

Về trách nhiệm dân sự: Ngày 01/4/2019, gia đình Nguyễn Anh T đã bồi thường cho chị Nguyễn Thị N số tiền 80.000.000đ (*Tám mươi triệu đồng*). Chị Nguyễn Thị N đã nhận đủ số tiền trên và không có yêu cầu gì khác.

Vật chứng của vụ án: 01 chiếc ĐTDĐ Iphone 6 màu vàng, Imei: 359302060224505 đã qua sử dụng. Hiện đang được bảo quản tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố TH chờ xử lý.

Bản Cáo trạng số 285/CT -VKSTPTN ngày 19 tháng 5 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH đã truy tố bị cáo Nguyễn Anh T về tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Anh T khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Trong lời luận tội, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo Nguyễn Anh T về tội “Cố ý gây thương tích”.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Anh T từ 30 đến 36 tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

01 chiếc ĐTDĐ Iphone 6 màu vàng đã qua sử dụng của Nguyễn Anh T, cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo và bị hại tự thỏa thuận bồi thường số tiền 80.000.000đ. Chị N đã nhận đủ số tiền và không có đề nghị gì khác.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận, thừa nhận việc truy tố và xét xử về tội “Cố ý gây thương tích” là không oan, đúng người, đúng tội.

Phần lời nói sau cùng bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xin được cải tạo tại địa phương để hòa nhập cùng gia đình và xã hội

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện trong vụ án đều hợp pháp và đúng quy định của pháp luật.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn tự nguyện, khách quan và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án như: Kết luận giám định pháp y về thương tích, biên bản xác định hiện trường, lời khai của bị hại và các tài liệu khác đã thu thập được trong quá trình điều tra. Như vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Hồi 06 giờ ngày 05/3/2019, tại phòng 302 nhà nghỉ Việt Vương, thuộc tổ T, phường Q, thành phố TH. Nguyễn Anh T có hành vi dùng tay đâm vào phần bụng của chị Nguyễn Thị N dẫn đến chị Nguyễn Thị N bị sảy thai trong thời kỳ ba tháng đầu ở người phụ nữ chưa có con. Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 11% (Mười một phần trăm). Cơ chế hình thành thương tích: Do tác động của vật tày.

Hành vi trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội **“Cố ý gây thương tích”** quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS.

Nội dung điều luật quy định:

“1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

a,b,...

c, Đối với người dưới 16 tuổi, phụ nữ mà biết có thai, người già yếu, ốm đau hoặc người khác không có khả năng tự vệ;

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 06 năm:

a,b,....

đ, Gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này”.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố TH truy tố bị cáo về tội danh và điều luật viện dẫn nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi: Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe

của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

[4] Xét nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Sau khi xảy ra vụ việc bị cáo tích cực hợp tác với cơ quan điều tra trong quá trình giải quyết vụ án. Bị cáo và gia đình đã tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn, ăn năn hối cải khai nhận hành vi phạm tội của mình nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Ngoài ra trong quá trình điều tra bị hại có đơn đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và tại phiên tòa, bị hại là chị Nguyễn Thị N cũng như mẹ của bị hại là bà Trần Thị Hương G tha thiết khẩn cầu Hội đồng xét xử xem xét bị cáo hành động do bột phát xin cho bị cáo được hưởng án treo để bị cáo có cơ hội trở thành công dân tốt. Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 BLHS.

Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có việc làm ổn định, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bản thân bị cáo đã nhận thức được sai phạm của mình có ý thức khắc phục hậu quả. Xét không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo hưởng án treo cải tạo tại địa phương cũng đủ cho bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, tính nhân đạo của Nhà nước ta, động viên bị cáo tích cực cải tạo tu dưỡng tốt trở thành công dân có ích với gia đình và xã hội.

[5] Vật chứng của vụ án: 01 chiếc ĐTDĐ Iphone 6 màu vàng đã qua sử dụng, xác định không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho bị cáo quản lý và sử dụng. Xong cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Chị Nguyễn Thị N đã nhận đủ số tiền theo thỏa thuận và không có yêu cầu gì khác. Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 326 Bộ luật tố tụng hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Anh T phạm tội "*Cố ý gây thương tích*"

1. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Anh T 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Anh T cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện Y, tỉnh BG giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần, trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giữ 01(Một) điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, Imei: 359302060224505, điện thoại đã qua sử dụng của bị cáo để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận số 324 ngày 22/5/2019 giữa Công an thành phố TH với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TH)

3. Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Anh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm báo cho bị cáo, người bị hại biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TH;
- VKSND tỉnh TH;
- VKSND thành phố TH;
- Công an thành phố TH;
- Chi cục THADSTPTH;
- Sở tư pháp tỉnh TH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thanh Trúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thanh Trúc

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

